TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ - TP HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2018/HS-ST
Ngày 14- 9- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Loan
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Kiều Thị Ninh
Ông Nguyễn Văn Học

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Mơ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ N, sinh ngày 20 tháng 6 năm 1962 tại xã V.X, huyện P, Thành phố Hà Nội

Nơi cư trú: Cụm 1, xã V.X, huyện P, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hữu P (đã chết) và bà Đoàn Thị C (đã chết); Chồng: Khuất Duy Th, con: có 02 con, lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1987; Tiền án: Không, Tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2018, có mặt tại phiên tòa.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

Người bị hại:

- **Bà Nguyễn Thị D**, sinh năm 1959 (có mặt)

Nơi cư trú: Cụm 8, thị trấn P, huyện P, TP Hà Nội;

- **Ông Phùng Văn Th**, sinh năm 1947 và **bà Lê Thị P**, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Cụm 2, xã V.P, huyện P, TP Hà Nội;

- **Ông Bùi Văn H,** sinh năm 1935 (có mặt)
Nơi cư trú: Cụm 1, xã V.N, huyện P, TP Hà Nội;
- **Ông Đặng Văn T**, sinh năm 1939 (có mặt)
Nơi cư trú: Cụm 6, xã V.P, huyện P, TP Hà Nội;
- **Ông Lê Hồng Đ**, sinh năm 1971 (có mặt)
Nơi cư trú: Cụm 4, xã V.X, huyện P, TP Hà Nội;
- Ông Đoàn Văn E, sinh năm 1956 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Cụm 7, xã V.X, huyện P, TP Hà Nội
Người làm chứng:
- **Ông Đặng Văn B**, sinh năm 1949 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Cụm 3, xã V.P, huyện P, TP Hà Nội
- Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1993 (có mặt)
Nơi cư trú: Cụm 4, xã V.X, huyện P, TP Hà Nội;

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị N có nghề nghiệp làm ruộng, một thời gian có tham gia làm cộng tác viên bán bảo hiểm cho công ty bảo hiểm Nhân Thọ thuộc khu vực huyện P, Hà Nội.

Thông qua việc bán bảo hiểm nhân thọ, Nguyễn Thị N quen biết bà Nguyễn Thị D, sinh N 1959, trú tại thị trấn P, huyện P. Do nhà bà D ở gần văn phòng bảo hiểm nên thỉnh thoảng N có đến chơi nhà bà D và biết bà D là bộ đội xuất ngũ từ năm 1981, nhưng không được hưởng chế độ chính sách gì. Khoảng tháng 10/2014 (âm lịch), N biết bà D muốn làm thủ tục đề nghị Nhà nước xét duyệt để hưởng chế độ thương tật. Nguyễn Thị N đến nhà bà D và giới thiệu có quen biết nhiều cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan Nhà nước, có thể làm được thủ tục cho bà hưởng chế độ thương tật. Bà D tin tưởng nhờ N lo tức "chạy" giúp. N bảo bà D đưa 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) tiền lệ phí xin xét duyệt cấp chế độ thương tật và hẹn khoảng 06 tháng là xong, N còn khẳng định nếu 06 tháng không xong thì sẽ hoàn trả lại toàn bộ tiền. Sau đó, bà D rủ thêm ông Đoàn Văn E sinh năm 1956, trú tại Cụm 7, V.X, huyện P là bạn trước đây cùng đơn vị với bà D, cùng nhờ N làm hưởng chế độ, nhưng do ông E chưa có tiền nên bà D ứng cho ông E vay tiền và đưa cho N 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*). Tổng cộng bà Nguyễn Thị D đưa cho Nguyễn Thị N 02 lần là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*). Cả 02 lần nhận tiền, giấy tờ cá nhân và giấy tờ liên quan đến thời gian phục vụ quân đội của bà D và ông E cho N để lo làm thủ tục xét duyệt hưởng chế độ chính sách của Nhà nước, N đều viết giấy biên nhận, với nội D là "Giấy vay tiền của bà D và hẹn 06 tháng sau sẽ trả lại toàn

bộ". Sau khi nhận tiền và giấy tờ liên quan đến việc lo chế độ chính sách cho bà D và ông E, N không chuyển giao cho cá nhân hoặc cơ quan Nhà nước nào mà giữ lại số tiền sử dụng vào việc tu sửa bờ kè ao của gia đình và tiêu sài cá nhân hết. Quá hẹn 06 tháng, không thấy cơ quan nào xét duyệt, cấp chế độ thương tật cho mình và ông E, không thấy N trả lại tiền nên bà D đến hỏi và đòi lại tiền nhưng N không trả mà chỉ khất nợ và hứa hẹn tiếp. Do bà D đòi tiền và hỏi nhiều lần về việc lo hưởng chế độ chính sách, nên N viết giấy biên nhận gộp cả 02 lần tiền để lo hưởng chế độ chính sách.

Đến ngày 06/9/2017, bà Nguyễn Thị D có đơn đến cơ quan CSĐT Công an huyện Phúc Thọ đề nghị giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra giải quyết vụ án, một số người có đơn đến cơ quan CSĐT Công an huyện Phúc Thọ đề nghị giải quyết việc Nguyễn Thị N đã nhận tiền và hồ sơ hứa lo "chạy" hưởng chế độ chính sách. Kết quả điều tra xác định được như sau: Cũng bằng thủ đoạn tự xưng là quen biết thân thiết với nhiều người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan Nhà nước để chiếm đoạt tiền của người khác, cụ thể như sau:

Năm 2015, thông qua việc nhờ ông Nguyễn Duy Ph sinh năm 1958, trú tại thôn Th, Cụm 3, xã T.L, huyện P chở đi bán bảo hiểm, Nguyễn Thị N đã quen biết ông Đặng Văn B sinh năm 1949, trú tại Cụm 3, xã V.P, huyện P, là đồng đội cũ của ông Ph. Khoảng tháng 02/2015 (âm lịch), N đến nhà ông Đặng Văn B tự giới thiệu bản thân có khả năng chạy, xin hưởng chế độ thương binh. Thấy vậy, ông B giới thiệu cho N quen biết với ông Phùng Văn Th (tên gọi khác là Phùng Mạnh Th) sinh năm 1947, trú tại Cụm 2, xã V.P, huyện P, cũng có thời gian tham gia kháng chiến chống Mỹ, đang muốn xin được hưởng chế độ chính sách thương binh. Sau khi nghe N nói có quen biết nhiều cán bộ có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết nên ông Th tin tưởng và nhờ N lo giúp. N bảo ông Th đưa 40.000.000đ và hẹn 06 tháng là lo xong nếu không sẽ hoàn trả toàn bộ tiền. Vợ chồng ông Th đưa trước cho N 15.000.000đ *(Mười lăm triệu đồng)* và hẹn khi nào xong có thẻ thương binh thì giao nốt 25.000.000đ. Khi nhận tiền, N bảo bà Lê Thị P (là vợ ông Th) viết giấy với nội dung nhận tiền và hẹn 06 tháng sau sẽ trả lại toàn bộ. Sau khi nhận số tiền 15.000.000đ và bộ hồ sơ cá nhân của ông Th, N không chuyển giao cho cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nào để xin xét duyệt mà giữ lại, còn số tiền thì tiêu sài cá nhân hết. Quá hẹn 06 tháng không thấy được cơ quan Nhà nước nào cấp chứng nhận được hưởng chế độ thương binh, nên nhiều lần vợ chồng ông Th đến nhà N hỏi về việc lo hưởng chế độ chính sách và đòi tiền thì N mới hoàn trả hồ sơ cho ông Th (hồ sơ vẫn để trong tủ), còn số tiền thì đến nay vẫn chưa hoàn trả. Ông Th chưa được hưởng chế độ, chính sách gì.

Vụ thứ hai: Khoảng tháng 8/2015 (âm lịch), Nguyễn Thị N đến các phòng bệnh nhân thuộc khoa nội của Bệnh viện đa khoa huyện P, mục đích để xem có ai muốn làm thủ tục xin hưởng chế độ, chính sách của Nhà nước không. Tại đây, N gặp ông Bùi Văn H sinh năm 1935, trú tại xã V.N, huyện P và ông Đặng Văn T trú tại xã V.P, huyện P, đều đã từng đi bộ đội tham gia kháng chiến chống Mỹ đang có nhu cầu làm chế độ thương binh. Cũng bằng thủ đoạn giới thiệu bản thân mình có quen biết nhiều người có chức vụ, quyền hạn có thể làm thủ tục hưởng chế độ chính sách của Nhà nước, lệ phí làm thủ tục hết 15.000.000đ/người. Vì tin tưởng, nên ông H và ông T đến nhờ Nguyễn Thị N lo giúp, mỗi người đưa cho N 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) kèm theo hồ sơ cá nhân. Sau khi nhận tiền và hồ sơ, N cũng viết giấy biên nhận với nội dung vay tiền và hẹn 06 tháng sau sẽ trả. Số tiền này, N đã tiêu sài cá nhân hết. Quá hẹn 06 tháng không thấy được cơ quan Nhà nước nào cấp chứng nhận được hưởng chế độ thương binh, nên nhiều lần ông H và ông T đến nhà N hỏi về việc lo hưởng chế độ chính sách và đòi tiền nhưng N không trả được. Đến nay, ông H và ông T vẫn chưa được xét duyệt hưởng chế độ, chính sách của Nhà nước và cũng chưa được hoàn trả tiền.

Vụ thứ ba: Do là người cùng xã nên Nguyễn Thị N có quen biết ông Lê Hồng Đ, sinh năm 1971, trú tại Cụm 4, xã V.X, huyện Phúc Thọ. Khoảng tháng 9/2015, N gặp ông Đ tại quán bia ở đầu làng Nghĩa Lộ, xã V.X, huyện P. N nói với ông Đ là có quen biết nhiều người làm ở sân bay Nội Bài, Hà Nội, có đường dây chạy việc làm giáo viên, y tá, lái xe… Nghe vậy, ông Đ nhờ N lo việc cho con trai mình là Lê Minh Đ, sinh năm 1993 vào làm nghề lái xe ô tô tại sân bay Nội Bài. N nói chi phí hết 180.000.000đ, đưa trước 20.000.000đ, hẹn 01 tháng sau khi anh Lê Minh Đ được tuyển dụng thì đưa nốt 160.000.000đ, ông Đ đồng ý. Sau đó, ông Đ cùng anh Lê Minh Đ mang hồ sơ xin việc và 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) đến đưa cho N. Khi nhận tiền và hồ sơ xong, N viết giấy biên nhận với nội dung vay tiền và hẹn 02 tháng sau sẽ trả lại toàn bộ. Quá hẹn, gia đình ông Đ không nhận được thông báo về việc làm của Lê Minh Đ, nên ông Đ đến gặp N đòi lại tiền, nhưng N không trả mà chỉ khất nợ và hứa hẹn, đến nay vẫn chưa trả tiền. Quá trình điều tra, N khai nhận đã mang tiền và hồ sơ xin việc của Lê Minh Đ giao cho bà Nga (không rõ tên, địa chỉ, lai lịch), là người N mới quen ở sân bay Nội Bài, nay N không liên lạc được với bà Nga nữa.

Ngoài ra, cơ quan điều tra còn nhận được tin báo về việc Nguyễn Thị N nhận tiền hứa hẹn xin việc cho chị Nguyễn Thị M sinh năm 1994, trú tại xã S.Đ, thị xã S, Hà Nội, làm giáo viên mầm non. Do việc giao nhận tiền và hồ sơ xin việc diễn ra tại địa bàn huyện T, nên cơ quan CSĐT Công an huyện Phúc Thọ đã có văn bản trao đổi và chuyển tin báo đến cơ quan CSĐT Công an huyện T giải quyết theo thẩm quyền.

** Về vấn đề dân sự*: Do người bị hại đã đưa tiền cho Nguyễn Thị N để lo thủ tục làm hưởng chế độ chính sách Nhà nước và chạy việc làm, đến nay chưa được hoàn trả, nên nay có yêu cầu bồi thường. Do ông Đoàn Văn E đã trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 15.000.000đ mà bà D ứng cho ông E để đưa cho N nên ông E có yêu cầu N phải bồi thường. Cụ thể các bị hại yêu cầu bồi thường như sau:

Bà Nguyễn Thị D yêu cầu bồi thường số tiền là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*);

Ông Đoàn Văn E yêu cầu bồi thường số tiền là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*);

Ông Phùng Văn Th yêu cầu bồi thường số tiền là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*);

Ông Bùi Văn H yêu cầu bồi thường số tiền là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng);*

Ông Đặng Văn T yêu cầu bồi thường số tiền là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*);

Ông Lê Hồng Đ yêu cầu bồi thường số tiền là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*);

Tại bản Cáo trạng số 64/CT-VKS ngày 13/8/2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ đã truy tố Nguyễn Thị N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

Đề nghị áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 36 đến 42 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/4/2018

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 42 BLHS 1999, buộc bị cáo phải trả lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền 15.000.000đ, ông Đoàn Văn E 15.000.000đ, ông Phùng Văn Th 15.000.000đ, ông Bùi Văn H 10.000.000đ, ông Đặng Văn T 10.000.000đ, ông Lê Hồng Đ 20.000.000đ.

Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DS theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ. Do vậy có đủ cơ sở để khẳng định:

[1] Trong khoảng thời gian năm 2014, 2015, Nguyễn Thị N có làm cộng tác viên cho Văn phòng bảo hiểm Bảo Việt Sơn Tây, chi nhánh tại thị trấn P, đã dùng thủ đoạn gian dối, tự giới thiệu mình có quen biết nhiều người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xét duyệt hồ sơ hưởng chế độ chính sách của Nhà nước hoặc tuyển dụng cán bộ, nhân viên, người lao động vào làm việc. Nguyễn Thị N đã nhận hồ sơ và tiền của người khác nhưng không thực hiện công việc như hứa hẹn mà sử dụng tiền để tiêu sài cá nhân. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Tháng 10/2014, Nguyễn Thị N đã nhận hồ sơ cá nhân và 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) của bà Nguyễn Thị D, hứa hẹn lo "chạy" hưởng chế độ chính sách thương binh cho bà D và ông Đoàn Văn E. Đến nay không làm được chế độ chính sách của Nhà nước cho bà D và ông E và cũng chưa hoàn trả tiền.

Vụ thứ hai: Tháng 02/2015, Nguyễn Thị N đã nhận hồ sơ cá nhân và 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) của ông Phùng Văn Th, hứa hẹn lo "chạy" hưởng chế độ chính sách thương binh cho ông Phùng Văn Th. Đến nay không làm được chế độ chính sách của Nhà nước cho người bị hại và cũng chưa hoàn trả tiền.

Vụ thứ ba: Tháng 8/2015, Nguyễn Thị N đã nhận hồ sơ cá nhân và 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) của ông Bùi Văn H và ông Đặng Văn T, hứa hẹn lo "chạy" hưởng chế độ chính sách thương binh cho ông H và ông T. Đến nay không làm được chế độ chính sách của Nhà nước cho người bị hại và cũng chưa hoàn trả tiền.

Vụ thứ tư: Tháng 9/2015, Nguyễn Thị N đã nhận hồ sơ xin việc và 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) của ông Lê Hồng Đ, hứa hẹn sẽ xin việc làm cho con ông Đ là Lê Minh Đ làm nghề lái xe ô tô tại sân bay Nội Bài, Hà Nội. Đến nay không xin được việc làm cho anh Lê Minh Đ và cũng chưa hoàn trả tiền.

Tổng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt là 85.000.000đ *(Tám mươi lăm triệu đồng)*.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999.

Do vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương nên cần có biện pháp xử lý nghiêm khắc để răn đe bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Do tại thời điểm năm 2015, người bị hại là ông Bùi Văn H và ông Đặng Văn T đều đã trên 70 tuổi nên bị cáo bị áp dụng tình tiết

tăng nặng: Phạm tội đối với người già theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999;

Do bị cáo đã bị cộng tổng số tiền để truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự nên không bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần.

Tình tiết giảm nhẹ: Tuy ban đầu bị cáo quanh co nhưng sau đó bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, những người bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[3] Về Trách nhiệm dân sự: Cần buộc bị cáo phải trả lại cho những người bị hại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt gồm:

-Trả lại bà Nguyễn Thị D số tiền là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*);

-Trả lại ông Đoàn Văn E số tiền là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*);

-Trả lại ông Phùng Văn Th và bà Lê Thị P số tiền là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*);

-Trả lại ông Bùi Văn H số tiền là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng);*

-Trả lại ông Đặng Văn T số tiền là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*);

-Trả lại ông Lê Hồng Đ số tiền là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*);

[4] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều đảm bảo đúng pháp luật.

[5] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm h khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 42 *(Bốn mươi hai)* tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/4/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải trả lại cho những người bị hại số tiền đã chiếm đoạt gồm:

-Trả lại bà Nguyễn Thị D số tiền là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*);

-Trả lại ông Đoàn Văn E số tiền là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*);

-Trả lại ông Phùng Văn Th và bà Lê Thị P số tiền là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*);

-Trả lại ông Bùi Văn H số tiền là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng);*

-Trả lại ông Đặng Văn T số tiền là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*);

-Trả lại ông Lê Hồng Đ số tiền là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*);

Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 4.250.000đ *(Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự.

Căn cứ Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo và người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán. Mức lãi suất do các bên tự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm. Nếu các bên không thỏa thuận được thì mức lãi suất chậm trả áp dụng là 20%/năm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- CQĐT CA huyện Phúc Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Minh Loan

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**